

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU ĐỨC  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 01-3-2024

“V/v Tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Văn Tân.

2. Ông Bùi Huy Xuân.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 365/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Trần Duy C, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ A, thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

*Bị đơn:* Bà Đoàn Thị Trúc L, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ A, thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

(Ông C, bà L có mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, xét xử tại Tòa án, nguyên đơn ông Trần Duy C trình bày:* Sau khi tìm hiểu nhau được khoảng 01 năm ông C và bà Đoàn Thị Trúc L mới đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào năm 1997 nhưng đến ngày 06 tháng 7 năm 2010 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc đến tháng 9-2022 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng tính tình không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã. Khoảng tháng 4-2023, bà L cùng 02 người con chung thường chửi bới, hăm dọa đánh ông C, lấy đồ đạc quăng ra khỏi nhà và không cho ông C vào nhà nên ông C phải về nhà mẹ ruột ở gần đó để sinh sống cho đến nay. Trong thời gian này, ông C cũng không hàn gắn tình cảm vì thấy tình cảm vợ chồng không còn. Trong quá

trình chung sống vợ chồng ông có 02 người con chung Trần Đoàn Duy Ph, sinh năm 1998 và Trần Đoàn Duy N, sinh năm 2001. Nay, ông C yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Ông C xin được ly hôn với bà L.

Về nuôi con chung: Hiện 02 người con chung đã đủ 18 tuổi, không bị mất năng lực hành vi dân sự nên ông C không có ý kiến.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết, xét xử tại Tòa án, bị đơn bà Đoàn Thị Trúc L, trình bày:* Sau khi tìm hiểu nhau được khoảng 01 năm, bà L và ông Trần Duy C mới đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào năm 1997 nhưng đến ngày 06 tháng 7 năm 2010 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc đến khi bà L sinh người con thứ 2 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, ông C thường xuyên vắng nhà nhưng bà L không biết lý do. Bà L cũng đã nhiều lần khuyên can nhưng ông C vẫn không thay đổi, ông C đi đâu làm gì bà L cũng không biết cho đến khi ông C trở về nhà. Tình trạng này cứ lặp lại thường xuyên nhưng vì không muốn gia đình đổ vỡ nên bà L đã cố gắng bỏ qua để vợ chồng tiếp tục chung sống.

Khoảng tháng 4-2023, trong một lần vợ chồng cãi vã, ông C đã hành hung bà L nên con chung là cháu N mới vào can ngăn để bảo vệ bà L, không có việc bà L và con chửi bới, hăm dọa đánh ông C, rồi lấy đồ đạc quăng ra khỏi nhà và không cho ông C vào nhà như ông C trình bày. Do ông C hành nghề sửa chữa cơ khí tại nhà nên trong thời gian này ông C vẫn tới tiệm ngay tại nhà để làm nghề còn giữa vợ chồng không có liên hệ với nhau.

Trong quá trình chung sống vợ chồng bà L có 02 người con chung Trần Đoàn Duy Ph, sinh năm 1998 và Trần Đoàn Duy N, sinh năm 2001. Qua thời gian, nhận thấy tình cảm vợ chồng cũng không hàn gắn được nên bà L đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, bà L yêu cầu ông C phải viết giấy cam kết đồng ý để bà L được sống trên nhà đất của vợ chồng, khi ông C muốn chuyển nhượng tài sản cho người khác phải có sự đồng ý của bà L thì bà mới đồng ý ký biên bản thuận tình ly hôn.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Trong biên bản lấy lời khai ngày 21-11-2023 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Đức bà L có nguyện vọng yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung trong vụ án ly hôn và xin thời gian để bổ sung yêu cầu này. Ngày 07-01-2024, bà L làm đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung và ngày 23-01-2024, Tòa án nhân dân huyện Châu Đức ban hành thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 104/2024/TB-TA đối với yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung, nợ chung. Ngày 30-01-2024, bà L đã làm đơn rút yêu cầu khởi kiện này.

Về con chung: Hiện 02 người con chung đã đủ 18 tuổi, không bị mất năng lực hành vi dân sự nên bà không có ý kiến.

*Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về nuôi con chung: Hiện 02 người con chung của ông C và bà L là Trần Đoàn Duy Ph, sinh năm 1998 và Trần Đoàn Duy N, sinh năm 2001 đã đủ 18 tuổi không bị mất năng lực hành vi dân sự nên không xem xét, giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Ông C, bà L không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Ông C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Ông C và bà L sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nay ông C yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của bà L là xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân: Hôn nhân giữa ông C và bà L trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào năm 1997 và đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 7 năm 2010 tại UBND xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Theo ông C, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 9-2022 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng tính tình không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã. Còn theo bà L vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi bà L sinh người con thứ 2 (năm 2001) đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân ông C thường xuyên vắng nhà nhưng bà L không biết lý do, giữa vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống.

Trong quá trình thụ lý giải quyết và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân nhưng ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Bà L xác nhận mâu thuẫn giữa vợ chồng có thật và vợ chồng cũng đã ly thân từ tháng 4-2023 cho đến nay, giữa hai bên cũng không có giải pháp để hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, bà L chỉ đồng ý thuận tình ly hôn khi được tiếp tục sinh sống trên nhà đất của vợ chồng và khi ông C muốn chuyển nhượng tài sản cho người khác phải có sự đồng ý của bà L.

Xét thấy, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp ly hôn theo đơn khởi kiện của ông C, Tòa án đã có Thông báo nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của bà L khi bà L có đơn yêu cầu nhưng sau đó bà L đã rút đơn yêu cầu nên Tòa án chỉ xem xét, giải quyết đối với yêu cầu ly hôn, nuôi con chung theo đơn khởi kiện ly hôn của ông C. Do đó, lý do bà L nêu ra để không đồng ý ly hôn với ông C là không có căn cứ để Tòa án xem xét, giải quyết.

Qua những nội dung vừa phân tích trên thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông C và bà L ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ông C được ly hôn với bà L.

[2.2]. Về nuôi con chung: Ông C và bà L có 02 người con chung Trần Đoàn Duy Ph, sinh năm 1998 và Trần Đoàn Duy N, sinh năm 2001. Hiện cả 02 người con chung đều đã đủ 18 tuổi, không bị mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi dân sự nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.3]. Về chia tài sản chung, nợ chung: Ông C, bà L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Ông C phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

[3]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Trần Duy C và bà Đoàn Thị Trúc L.

2. Về nuôi con chung: Ông C và bà L có 02 người con chung Trần Đoàn Duy Ph, sinh năm 1998 và Trần Đoàn Duy N, sinh năm 2001. Hiện cả 02 người con chung đều đã đủ 18 tuổi, không bị mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi dân sự nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Trần Duy C phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008877 ngày 27 tháng 10 năm 2023; ông Trần Duy C đã nộp xong án phí DSST.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 01-3-2024) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Châu Đức;
- Chi cục THADS H.Châu Đức;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

#### **TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**

**Lê Thị Thanh Nga**

